

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 219 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 29/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, công suất 9.000 tấn/năm tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam làm Chủ đầu tư;

Căn cứ Giấy xác nhận số 25/GXN-STNMT ngày 25/9/2013 của Sở Tài nguyên và môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, công suất 9.000 tấn/năm tại lô đất IN1-6A và IN1-6B thuộc Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng của Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu



tu xây dựng Nhà máy sản xuất sơn tĩnh điện tại Lô IN1-6A Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam làm Chủ đầu tư;

Căn cứ Giấy xác nhận số 16/GXN-STNMT ngày 23/3/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn tĩnh điện tại Lô IN1-6A Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng do Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam làm Chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 09/CVĐ-ZMW ngày 28/10/2022 của Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 28.12/CV-MT ngày 28/12/2022 của Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Dự án sản xuất các sản phẩm bằng kim loại” tại lô đất IN1-6A và IN1-6B, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam, địa chỉ tại lô đất IN1-6A và IN1-6B, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án sản xuất các sản phẩm bằng kim loại” tại Lô đất IN1-6A và IN1-6B, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án sản xuất các sản phẩm bằng kim loại”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất IN1-6A và IN1-6B, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0201242432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 06/02/2012, thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2018. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 022023000102 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/02/2012 và điều chỉnh lần thứ 01 ngày 12/02/2015.

1.4. Mã số thuế: 0201242432

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại và vật liệu sơn tĩnh điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 93.600 m²

- Quy mô, công suất:

+ Hộp thép: 9.000 tấn/năm;

+ Vật liệu sơn tĩnh điện: 788 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn



đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 18 tháng 01 năm 2023 đến ngày 18 tháng 01 năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *quy*

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên;
- Công ty TNHH Chế tạo Zeon Việt Nam;
- C.ty TNHH VSIP Hải Phòng;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

[Signature]

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..2.1.9.../GPMT-BQL
ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định (do nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Công ty sau xử lý được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả ra môi trường).

- Công ty đã ký thỏa thuận đầu nối nước thải số 1104 - 12 DEV/VSIPHP ngày 15/8/2012 với Công ty TNHH VSIP Hải Phòng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom dẫn vào đường ống PVC100 và nước thải tại khu nhà bếp được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ. Toàn bộ nước thải này sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 21 m³/ngày để xử lý. Nước sau khi xử lý (*một phần tái sử dụng cho mục đích tưới cây*) theo đường ống dẫn thải ra hố ga cuối cùng và được đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

- Nước thải công nghiệp được thu gom vào bể gom, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 5 m³/ngày đêm để xử lý. Nước sau khi xử lý được bơm cưỡng bức theo đường ống dẫn thải ra hố ga cuối cùng (*cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý*) và được đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Nước thải khu vệ sinh → theo đường ống dẫn PVC100) và (nước thải khu bếp → Bể tách mỡ 2 ngăn) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 21 m³/ngày đêm (Bể chứa → Bể điều hoà → Bể kỵ khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng) → Hố ga cuối → Trạm xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

- Công suất thiết kế: 21 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOCl.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải xử lý bề mặt trước khi son → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cụm bể hóa lý và bể lắng → Bồn lọc áp lực → Bể chứa nước sau xử lý 5 m³ → Hồ ga cuối (cùng với nước thải sinh hoạt sau xử lý) → Trạm xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày

- Hóa chất sử dụng: PAC, PAA, H₂SO₄, Ca(OH)₂ và vật liệu lọc (cát, than hoạt tính).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sản xuất trước và sau hệ thống xử lý.

2.2.2. Tọa độ điểm xả thải: X=2312498; Y=599227

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

2.2.3. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..2.19.../GPMT-BQL
ngày .18 tháng .01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- + Dòng khí thải số 01: Khí thải tại cửa xả hệ thống đóng gói sản phẩm 1.
- + Dòng khí thải số 02: Khí thải tại cửa xả hệ thống đóng gói sản phẩm 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải tại cửa xả hệ thống đóng gói sản phẩm 1; tọa độ: X(m)= 2313188; Y(m)= 677349.

+ Dòng khí thải số 02: Khí thải tại cửa xả hệ thống đóng gói sản phẩm 2; tọa độ: X(m)= 2313182; Y(m)= 677350.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.000 m³/giờ

+ Nguồn số 1: 2.000 m³/h

+ Nguồn số 2: 2.000 m³/h

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua ống thoát khí, xả gián đoạn 16/24 giờ (trong khoảng thời gian từ 7h đến 23h30).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp: hệ số lưu lượng nguồn thải, Kp =1; Kv: hệ số vùng, Kv = 1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần (theo đề xuất của doanh nghiệp)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động bụi, khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	CO	mg/Nm ³	1.000		
4	NOx	mg/Nm ³	850		
5	SO ₂	mg/Nm ³	500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh tại các vị trí đóng gói sản phẩm được thu gom và xử lý bằng hệ thống lọc bụi túi. Khí sạch theo ống thải ra ngoài môi trường; bụi thu hồi được quản lý như chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý (2 hệ thống tương đương): Khí thải từ quá trình đóng gói → Chụp hút → Tháp lọc bụi túi vải → hệ thống quạt → ống thải (chiều cao 3,5m).

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/h/1 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: túi vải lọc bụi (thay thế định kỳ 06 – 12 tháng/lần).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường do Dự án đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp Giấy xác nhận số 25/GXN-STNMT ngày 25/9/2013 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, công suất 9.000 tấn/năm (giai đoạn 1) và Giấy xác nhận số 16/GXN-STNMT ngày 23/3/2018 về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn tĩnh điện (giai đoạn 2).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..2.1.9../GPMT-BQL ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

+ Nguồn 1: Từ công đoạn gia công thép tại khu vực Nhà máy 1

+ Nguồn 2: Từ quá trình phối trộn nguyên liệu tại Nhà máy 2

+ Nguồn 3: Từ khu vực để xe của cán bộ công nhân viên

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 1: Máy cắt từ công đoạn gia công thép tại khu vực Nhà máy 1; tọa độ: X = 2312428, Y = 599246.

+ Nguồn số 2: Máy trộn từ quá trình phối trộn nguyên liệu tại Nhà máy 2; tọa độ: X = 2312661, Y = 599220.

+ Nguồn số 3: Từ khu vực để xe của cán bộ công nhân viên; tọa độ: X = 2312655, Y = 599242.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$ múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .21.9../GPMT-BQL
ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	02 05 01	15.600
2	Bùn thải của quá trình photphat hóa	Bùn	07 01 04	24.224
3	Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng hoặc đã bão hòa	Rắn	07 01 09	40
4	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	2.244
5	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	Rắn	07 03 10	1.966
6	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	07 03 11	21.794
7	Cặn sơn, sơn và véc ni thải	Rắn	08 01 01	15.708
8	Mực in (loại có các thành phần nguyên liệu trong quá trình hoạt động sản xuất) thải	Lỏng	08 02 01	25
9	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguyên liệu trong quá trình hoạt động sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	30
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3
11	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	604
12	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	2.589
13	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	32
14	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	73
15	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1.228
16	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện thải	Rắn	19 02 06	51
17	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 05	14
Tổng số lượng				86.225

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh bao gồm: Phoi thép phế liệu loại bỏ từ sản xuất không lẫn thành phần nguy hại; Bia carton đóng gói nguyên liệu; Nilon bọc nguyên liệu; Gỗ phế liệu từ pallet của kiện hàng,... với khối lượng phát sinh khoảng 17,5 tấn/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 2,66 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 50 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông, gờ chống tràn CTNH lỏng (*trường hợp tràn đổ*). Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 80 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu tường bao và mái lợp tôn che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ, nền bê tông, đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 9 m²
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu tường bao và mái lợp tôn che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ, nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2.19.../GPMT-BQL
ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
